

UNIT 8

It's hot today!

I. Vocabulary:

Học sinh sử dụng sách Student Book có hình ảnh để học từ và nghe đĩa CD (có kèm theo sách) để nghe và học cách phát âm từ.

raining: đang mưa

windy: gió

hot: nóng

snowing: tuyết rơi

sunny: nắng

put on: mặc, đội, đeo

sun hat: nón che nắng

fly a kite: thả diều

make a snowman: làm người tuyết

go outside: đi ra ngoài

weather news: tin thời tiết

II. Watch a video:

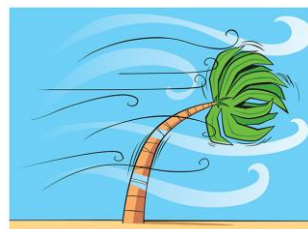
III. Grammar Focus:

1. Sentence Patterns:

What's the weather like? It's windy.

Hoặc *What's the weather like today?*

Để hỏi về thời tiết như thế nào ta sử dụng câu hỏi *What's the weather like?*



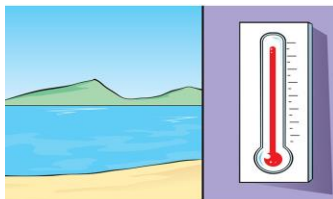
Câu hỏi này về nghĩa giống như câu hỏi ***How's the weather?*** đã được học ở lớp 1.

Với câu hỏi ***What's the weather like?*** ta có thể sử dụng từ vựng chỉ thời tiết để trả lời

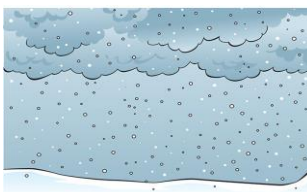
It's raining.



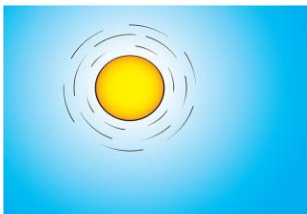
It's hot.



It's snowing.



It's sunny.



It's windy.



Put on your sun hat. (Hãy đội nón che nắng nhé.)



Don't put on your coat. (Đừng mặc áo khoác nhé.)

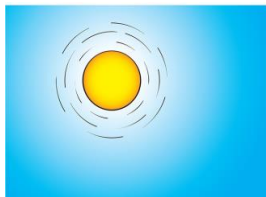
Put on Để yêu cầu mặc hoặc đội cái gì đó.

Don't put onĐể yêu cầu không mặc hoặc đội cái gì đó.

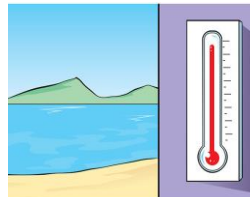
Don't forget your umbrella. (Đừng quên dù nhé.)

Don't let your hat fly away. (Đừng để nón bay mất nhé.)

Practice



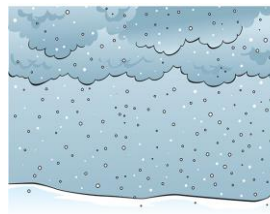
1. It's sunny. Don't make a snowman.



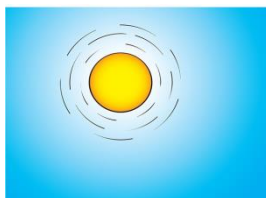
4.



2. It's windy. Let's fly a kite.



5.



3.



6.

Học sinh làm bài tập ứng dụng trong sách Student Book trang 55.

Học sinh làm các bài tập trong sách Workbook của Unit 8.

Good luck!

